

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÒNG KINH TẾ/KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực
1	2.002096.H56	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	2255/QĐ-UBND	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)
2	3.000443.H56	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2254/QĐ-UBND	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
3	3.000442.H56	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2254/QĐ-UBND	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
4	3.000439.H56	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2254/QĐ-UBND	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
5	3.000440.H56	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2254/QĐ-UBND	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
6	3.000441.H56	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	2254/QĐ-UBND	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
7	1.013978.H56	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
8	1.013952.H56	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
9	1.013950.H56	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
10	1.013949.H56	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
11	1.013967.H56	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

12	1.013953.H56	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
13	1.013965.H56	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
14	1.013979.H56	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
15	1.013962.H56	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
16	1.013997.H56	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	2223/QĐ-UBND	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
17	1.013768.H56	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	2188/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
18	3.000412.H56	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	1630/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
19	3.000410.H56	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	2159/QĐ-UBND	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)
20	1.013345	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	583/QĐ-UBND	Đường bộ (Bộ Xây dựng)
21	1.013346	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	583/QĐ-UBND	Đường bộ (Bộ Xây dựng)
22	1.000314.H56	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	2166/QĐ-UBND	Đường bộ (Bộ Xây dựng)

23	1.013274.H56	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	2166/QĐ-UBND	Đường bộ (Bộ Xây dựng)
24	3.000325.H56	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	461/QĐ-UBND	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)
25	3.000326.H56	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	2159/QĐ-UBND	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)
26	3.000327.H56	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	2159/QĐ-UBND	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)
27	3.000328.H56	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	461/QĐ-UBND	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)
28	1.013227.H56	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	2208/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)
29	1.013228.H56	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	2208/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)
30	1.013229.H56	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	2208/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)
31	1.013225.H56	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	2208/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)
32	1.013232.H56	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	2208/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)
33	1.013226.H56	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	2208/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)
34	1.013239.H56	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	2208/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)

35	1.013234.H56	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	2208/QĐ-UBND	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)
36	1.013061.H56	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	2230/QĐ-UBND	Đường bộ (Bộ Xây dựng)
37	1.013040.H56	Thu tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	2167/QĐ-UBND	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)
38	1.012996.H56	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	4647/QĐ-UBND	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)
39	1.012995.H56	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	4647/QĐ-UBND	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)
40	1.012994.H56	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2159/QĐ-UBND	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)
41	1.012922.H56	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	983/QĐ-UBND	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
42	1.012888.H56	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	2203/QĐ-UBND	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)
43	2.002668.H56	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
44	1.012837.H56	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	2242/QĐ-UBND	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
45	1.012836.H56	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	2242/QĐ-UBND	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
46	1.012812.H56	Hòa giải tranh chấp đất đai	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
47	1.012818.H56	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1351/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
48	1.012796.H56	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
49	1.012817.H56	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
50	1.012791.H56	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1351/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

51	1.012753.H56	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
52	1.012744.H56	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	3496/QĐ-UBND	Quản lý giá (Bộ Tài chính)
53	2.002650.H56	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
54	2.002636.H56	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
55	2.002635.H56	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
56	2.002639.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
57	2.002637.H56	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
58	2.002645.H56	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
59	2.002644.H56	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
60	2.002643.H56	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
61	2.002641.H56	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
62	2.002646.H56	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)

63	2.002649.H56	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
64	2.002640.H56	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
65	2.002648.H56	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
66	2.002642.H56	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
67	2.002638.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
68	1.012695.H56	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	983/QĐ-UBND	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
69	1.012694.H56	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	2229/QĐ-UBND	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
70	1.012569.H56	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	2123/QĐ-UBND	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)
71	1.012568.H56	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	2123/QĐ-UBND	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)
72	1.012531.H56	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	2785/QĐ-UBND	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
73	2.002620.H56	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	3347/QĐ-UBND	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)
74	1.012427.H56	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	2123/QĐ-UBND	Cụm Công nghiệp (Bộ Công Thương)
75	3.000250.H56	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	2229/QĐ-UBND	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
76	3.000235	Hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Mường Lát	983/QĐ-UBND.	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

77	3.000234	Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao.	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
78	3.000232	Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền, xây dựng thương hiệu; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa cho các sản phẩm OCOP.	983/QĐ-UBND.	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
79	1.011608.000.00.00.H56	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1630/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
80	1.011607.000.00.00.H56	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1630/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
81	1.011606.000.00.00.H56	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	2250/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
82	1.011609.000.00.00.H56	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1630/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
83	1.011471.000.00.00.H56	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	670/QĐ-UBND	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
84	1.011467	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	983/QĐ-UBND.	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
85	1.011466	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi một huyện, thị xã, thành phố (liên kết cấp huyện) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	983/QĐ-UBND.	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
86	1.011468	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.	983/QĐ-UBND.	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
87	1.010736.000.00.00.H56	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	1832/QĐ-UBND	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
88	2.002487	Hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp	1650/QĐ-UBND	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)
89	1.010854	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
90	1.010852	Hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
91	1.010851	Hỗ trợ thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
92	1.010849	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

93	1.010848	Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
94	1.010856	Hỗ trợ khi ngừng hoạt động hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
95	1.010855	Hỗ trợ chi phí mua cây giống cây ăn quả	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
96	1.010842	Hỗ trợ kinh phí hợp đồng thuê hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
97	1.010840	Hỗ trợ hạ tầng vùng sản xuất cây ăn quả tập trung	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
98	1.010843	Hỗ trợ làm đường lâm nghiệp vùng trồng rừng sản xuất tập trung	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
99	1.010841	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
100	1.010800	Hỗ trợ hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung	983/QĐ-UBND.	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
101	1.010091.000.00.00.H56	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	2223/QĐ-UBND	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
102	1.010092.000.00.00.H56	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	2223/QĐ-UBND	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
103	1.009794.000.00.00.H56	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	2163/QĐ-UBND	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)
104	1.009453.000.00.00.H56	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
105	1.009452.000.00.00.H56	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
106	1.009465.000.00.00.H56	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
107	1.009455.000.00.00.H56	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
108	1.009454.000.00.00.H56	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
109	1.009447.000.00.00.H56	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)

110	1.009444.000.00.00.H56	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
111	1.008603.000.00.00.H56	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	2167/QĐ-UBND	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)
112	1.008455.000.00.00.H56	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	2697/QĐ-UBND	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)
113	2.000535.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	1402/QĐ-UBND	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)
114	2.000591.000.00.00.H56	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	1402/QĐ-UBND	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)
115	2.001211.000.00.00.H56	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
116	2.001215.000.00.00.H56	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	1383/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
117	2.001214.000.00.00.H56	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
118	2.001212.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
119	1.008004.000.00.00.H56	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	1830/QĐ-UBND	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
120	1.007919.000.00.00.H56	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	2229/QĐ-UBND	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
121	2.002226.000.00.00.H56	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)
122	2.002228.000.00.00.H56	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)
123	1.004082.000.00.00.H56	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	1239/QĐ-UBND	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
124	1.001662.000.00.00.H56	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	2155/QĐ-UBND	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
125	1.005412.000.00.00.H56	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	4916/QĐ-UBND	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)

126	1.006391.000.00.00.H56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	2205/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
127	2.001921.000.00.00.H56	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	2166/QĐ-UBND	Đường bộ (Bộ Xây dựng)
128	2.001240.000.00.00.H56	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2123/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)
129	2.000615.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	2123/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)
130	2.000620.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2123/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)
131	1.001279.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2123/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)
132	2.000629.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2123/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)
133	2.000633.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2123/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)
134	2.001261.000.00.00.H56	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2123/QĐ-UBND	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)
135	2.001270.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2123/QĐ-UBND	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)
136	2.001283.000.00.00.H56	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2123/QĐ-UBND	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)
137	2.000150.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2255/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)
138	2.000162.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2255/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)
139	2.000181.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2255/QĐ-UBND	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)
140	2.000206.000.00.00.H56	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2123/QĐ-UBND	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)

141	2.001384.000.00.00.H56	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	2123/QĐ-UBND	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)
142	1.005040.000.00.00.H56	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	2205/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
143	1.003658.000.00.00.H56	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
144	2.001659.000.00.00.H56	Xóa đăng ký phương tiện	2205/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
145	1.003930.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2205/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
146	1.003970.000.00.00.H56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2205/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
147	1.004002.000.00.00.H56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2205/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
148	2.001711.000.00.00.H56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2205/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
149	1.004036.000.00.00.H56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	2205/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
150	1.004047.000.00.00.H56	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	2205/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
151	1.004088.000.00.00.H56	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	2205/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
152	1.003141.000.00.00.H56	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	257/QĐ-UBND	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)
153	1.002662.000.00.00.H56	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	257/QĐ-UBND	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)
154	1.003634.000.00.00.H56	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1606/QĐ-UBND	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
155	1.003681.000.00.00.H56	Xóa đăng ký tàu cá	1606/QĐ-UBND	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
156	1.003596.000.00.00.H56	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	1831/QĐ-UBND	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

157	1.004498.000.00.00.H56	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	2253/QĐ-UBND	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
158	1.003956.000.00.00.H56	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	2253/QĐ-UBND	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
159	1.004478.000.00.00.H56	Công bố mở cảng cá loại III	2253/QĐ-UBND	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
160	1.003605.000.00.00.H56	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	1258/QĐ-UBND	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
161	2.001958.000.00.00.H56	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
162	1.004979.000.00.00.H56	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
163	2.001621.000.00.00.H56	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	1434/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
164	2.001627.000.00.00.H56	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	2188/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
165	1.003434.000.00.00.H56	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	2158/QĐ-UBND	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
166	1.003440.000.00.00.H56	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1434/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
167	1.003446.000.00.00.H56	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1434/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
168	1.003471.000.00.00.H56	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	2188/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
169	1.003347.000.00.00.H56	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	2188/QĐ-UBND	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
170	1.001266.000.00.00.H56	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)
171	2.000575.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)

172	1.001570.000.00.00.H56	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)
173	2.000720.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)
174	1.001612.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)
175	1.004901.000.00.00.H56	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
176	1.005010.000.00.00.H56	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
177	1.005377.000.00.00.H56	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
178	1.005378.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
179	1.004982.000.00.00.H56	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
180	2.001973.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
181	1.005277.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
182	2.002123.000.00.00.H56	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)
183	1.005280.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	2124/QĐ-UBND	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)

184	2.001217.000.00.00.H56	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
185	2.001218.000.00.00.H56	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2071/QĐ-UBND	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)
186	1.007870	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở kinh doanh xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền (dưới 20 m ³ (tấn)) đóng trên địa bàn quản lý của UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa	983/QĐ-UBND.	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
187	1.005739	Thủ tục hành chính liên thông trong cấp điện qua lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đối với công trình có tổng công suất trạm biến áp nhỏ hơn hoặc bằng 2.000 kVA.	4652/QĐ-UBND	Điện (Bộ Công Thương)